

Mẫu số 09

Mã hiệu:

Số: 01

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi số: 43 ngày 13 tháng 11 năm 2025)

Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi ☐

- 1 Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường Mầm Non Si Pa Phìn
- 2 Mã đơn vị: 1085785
- 3 Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại Ngân hàng: AGRIBANK Chi nhánh Na Sang Điện Biên 8907201003443
- I Nội dung đề nghị thanh toán: Thanh toán tiền lương và phụ cấp tháng 10/2025

(Đơn vị: đồng)

STT	Họ và tên	Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng	Tổng số	Trong đó							Ghi chú
					Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo HD	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Tổng số			915.636.259	911.288.080	4.348.179						
I	Đối với công chức, viên chức			911.288.080	911.288.080							
1	Lường Vũ Ngọc Duyên	8907205040792	Agribank CN Na Sang Điện Biên	21.429.608	21.429.608							tăng phụ cấp thâm niên
2	Lường Thị Phương Chiều	8907205010359	Agribank CN Na Sang Điện Biên	24.858.929	24.858.929							tăng phụ cấp thâm niên
3	Lò Thị Hà	8907215007611	Agribank CN Na Sang Điện Biên	24.858.929	24.858.929							
4	Vàng Thị Thành	8907205040807	Agribank CN Na Sang Điện Biên	19.863.081	19.863.081							
5	Phạm Thu Hương	8907215007503	Agribank CN Na Sang Điện Biên	19.937.219	19.937.219							
6	Lò Thị Thu	8907215007374	Agribank CN Na Sang Điện Biên	22.847.858	22.847.858							
7	Trần Thị Phương	8907215007351	Agribank CN Na Sang Điện Biên	21.362.478	21.362.478							
8	Tráng Thị Lan	8907205046146	Agribank CN Na Sang Điện Biên	18.925.957	18.925.957							
9	Lò Việt Hà	8907205039685	Agribank CN Na Sang Điện Biên	17.441.864	17.441.864							
10	Hoàng Thị Hoa	8907205045189	Agribank CN Na Sang Điện Biên	19.863.081	19.863.081							
11	Đinh Thị Ánh Tuyết	8907215007499	Agribank CN Na Sang Điện Biên	18.995.907	18.995.907							

12	Lò Thị Nhất	8907205030514	Agribank CN Na Sang Điện Biên	21.539.150	21.539.150							
13	Lò Thị Ván	8907215007628	Agribank CN Na Sang Điện Biên	18.925.957	18.925.957							
14	Lù Thị Ái	8907205043913	Agribank CN Na Sang Điện Biên	17.409.959	17.409.959							
15	Lò Thị Xuân	8907215007380	Agribank CN Na Sang Điện Biên	18.895.299	18.895.299							
16	Vàng Thị Hiền	8907205014270	Agribank CN Na Sang Điện Biên	17.473.416	17.473.416							
17	Cầm Thị Dung	8907205017046	Agribank CN Na Sang Điện Biên	17.473.416	17.473.416							
18	Lò Thị Nhung	8907215007345	Agribank CN Na Sang Điện Biên	16.815.045	16.815.045							
19	Sìn Thị Đoàn	8907215007401	Agribank CN Na Sang Điện Biên	16.815.045	16.815.045							
20	Vàng Thị Mỹ	8907215007368	Agribank CN Na Sang Điện Biên	16.015.292	16.015.292							
21	Quảng Thị Lanh	8907215007447	Agribank CN Na Sang Điện Biên	15.325.016	15.325.016							
22	Cả Thị Hồng	8907205053640	Agribank CN Na Sang Điện Biên	15.325.016	15.325.016							
23	Lường Thị Chung	8907215007476	Agribank CN Na Sang Điện Biên	15.325.016	15.325.016							
24	Lò Thị Loan	8907205044610	Agribank CN Na Sang Điện Biên	15.325.016	15.325.016							
25	Lò Thị Soan	8907205034580	Agribank CN Na Sang Điện Biên	15.325.016	15.325.016							
26	Lò Thị Quê	8907215007418	Agribank CN Na Sang Điện Biên	15.325.016	15.325.016							
27	Cao Bích Kiều	8907215007634	Agribank CN Na Sang Điện Biên	17.508.463	17.508.463							
28	Tao Thị Lan Anh	8907215007424	Agribank CN Na Sang Điện Biên	15.268.051	15.268.051							
29	Mùa Thị Lia	8907215007453	Agribank CN Na Sang Điện Biên	13.797.499	13.797.499							
30	Giàng Thị Dợ	8907205020693	Agribank CN Na Sang Điện Biên	13.747.026	13.747.026							
31	Lò Thị Mến	8907215007397	Agribank CN Na Sang Điện Biên	13.797.499	13.797.499							
32	Điêu Thị Giang	8907205049926	Agribank CN Na Sang Điện Biên	13.797.499	13.797.499							
33	Lò Thị Phanh	8907205042174	Agribank CN Na Sang Điện Biên	21.233.382	21.233.382							
34	Lò Thị Muôn	8907205063299	Agribank CN Na Sang Điện Biên	17.536.874	17.536.874							

35	Cà Thị Thờ	8907205052575	Agribank CN Na Sang Điện Biên	13.797.499	13.797.499							
36	Tòng Thị Ngọc	8907205035792	Agribank CN Na Sang Điện Biên	15.325.016	15.325.016							
37	Sùng Thị Tênh	8907215019866	Agribank CN Na Sang Điện Biên	16.272.243	16.272.243							
38	Lò Thị Ngọc Lan	8900205096605	Agribank CN Na Sang Điện Biên	23.030.645	23.030.645							
39	Đỗ Thị Hạnh	8907215019980	Agribank CN Na Sang Điện Biên	16.272.243	16.272.243							
40	Vì Thị Lan	8907215012815	Agribank CN Na Sang Điện Biên	23.030.645	23.030.645							
41	Vàng Thị Duyên	8907215028640	Agribank CN Na Sang Điện Biên	14.389.830	14.389.830							
42	Lò Thị Chang	8907205090227	Agribank CN Na Sang Điện Biên	16.272.243	16.272.243							
43	Thào Thị Xinh	8907205051911	Agribank CN Na Sang Điện Biên	14.389.830	14.389.830							
44	Lê Thị Hằng	8907888836868	Agribank CN Na Sang Điện Biên	24.137.238	24.137.238							Tăng phụ cấp chức vụ
45	Trần Diệu Vân	8907215028380	Agribank CN Na Sang Điện Biên	14.389.830	14.389.830							
46	Vừ Thị Ke	8907215028266	Agribank CN Na Sang Điện Biên	14.389.830	14.389.830							
47	Lâu Thị Tùng	8907215037510	Agribank CN Na Sang Điện Biên	14.389.830	14.389.830							
48	Lường Thị Huyền	8907215029751	Agribank CN Na Sang Điện Biên	14.389.830	14.389.830							
49	Vàng Thị Thuyến	8900205267847	Agribank CN Na Sang Điện Biên	16.272.243	16.272.243							
50	Đieu Thị Tâm	8907215043486	Agribank CN Na Sang Điện Biên	14.389.830	14.389.830							
51	Lò Văn Bình	8907215007526	Agribank CN Na Sang Điện Biên	13.917.618	13.917.618							
52	Tao Thị Kiệm	8907215007532	Agribank CN Na Sang Điện Biên	10.574.343	10.574.343							
53	Giàng A Định	8907215045850	Agribank CN Na Sang Điện Biên	11.273.418	11.273.418							
II	Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP			4.348.179		4.348.179						
1	Đieu Văn Hồng	8907205059936	Agribank CN Na Sang Điện Biên	4.348.179		4.348.179						

Tổng Số tiền bằng chữ: Chín trăm mười năm triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi chín đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

Tổng biên chế được giao theo Quyết định số: 163/QĐ-UBND ngày 06 tháng 08 năm 2025: Biên chế: 55 người

Tổng số người làm việc theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP được giao theo quyết định số: 157/QĐ-UBND ngày 06/08/2025 là: 01 người

Biên chế thực tế tại đơn vị: 53 người; Hợp đồng theo nghị định 111/2022/NĐ-CP: 01 người

Biên chế tháng trước: Biên chế: 53 người, hợp đồng 111: 1 người.

Biên chế tháng này: Biên chế: 53 người, hợp đồng 111: 1 người.

Lương tháng trước 09/2025 : 915.137.345 đồng

Lương tháng này 10/2025 : 915.636.259 đồng

+ Tăng: 498.914 đồng do 02 cán bộ quản lý tăng phụ cấp thâm niên, 01 giáo viên tăng phụ cấp chức vụ

+ Giảm: 0 đồng

Lương tháng 10/2025 tăng so với lương tháng 09/2025 là 498.914 đồng

Tổng tiền lương tháng 10/2025: 915.636.259 đồng.

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 13 tháng 11 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
(ký, dấu, ghi rõ họ tên)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Giao dịch viên

Ngày..... tháng năm 2025
Trưởng phòng